

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM NHÙN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày 18-06-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Ông: Đồng Văn Dũng

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Đặng Văn Phú

2. Bà Lò Thị Doanh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà: Thảo Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà:*** Ông: Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18/06/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2024/TLST-HS, ngày 22/05/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST- HS, ngày 04/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vàng A K**; sinh năm 1971 tại **huyện P, tỉnh Lai Châu**; Nơi cư trú và chỗ ở trước khi bị bắt: **Bản C, xã T, huyện P, tỉnh Lai Châu**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Vàng A S**, đã chết và con bà **Thào Thị C**, sinh năm 1950; Có vợ: **Giàng Thị V**, sinh năm 1971 và có 06 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/03/2024, tại Nhà tạm giữ **Công an huyện N**, tỉnh Lai Châu cho đến nay. Có mặt tại phiên toà.

Người tham gia tố tụng khác.

Người làm chứng: Chị **Lò Thị D**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **Bản P, xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu** (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

Người bào chữa cho bị cáo **Vàng A K**: Bà **Nguyễn Thị N**, Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L** (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 01/03/2024, **Vàng A K** một mình điều khiển

xe mô tô biển kiểm soát: 36B1-044.82 đi từ nhà tại bản C, xã T, huyện P, tỉnh Lai Châu đến bản P, xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu để tìm mua Heroine về để sử dụng. Đến bản P, xã H, huyện N, Khu Y vào nhà của Lò Thị D và hỏi D “Có Heroine bán không”, “thì D trả lời mua bao nhiêu, K bảo bán cho 3.000.000 đồng”, D đồng ý cầm tiền rồi lấy xe máy đi ra ngoài một lúc sau quay lại đưa cho K 04 gói Heroine đều được gói ngoài bằng mảnh nilon màu hồng. Sau khi mua được H, K cất giấu vào túi đeo trên người, do trời lạnh và đã tối nên K xin ngủ lại nhà D để sang hôm sau đi về, D đồng ý. Sau đó, K lấy một ít trong 04 gói Heroine ra sử dụng (hít) tại bếp của nhà D. Khoảng 6 giờ 00 phút ngày 02/03/2024, K điều khiển xe mô tô đi từ bản P, xã H, huyện N để về nhà. Đến hồi 7 giờ 30 phút cùng ngày, khi K đi đến Km 301-QL4H thuộc địa phận bản Chang Chảo Pá, xã H, huyện N thì bị Công an huyện N phát hiện bắt quả tang thu giữ 04 gói Heroine đều được gói ngoài bằng mảnh nilon màu hồng có khối lượng 13,74 gam cùng 01 xe mô tô kèm theo 01 đăng ký, 01 túi vải.

Ngày 02 tháng 03 năm 2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành thành lập Hội đồng mở niêm phong xác định khối lượng và trích mẫu giám định. Tại Kết luận giám định số: 29, ngày 02/03/2024 của người giám định tư pháp theo vụ việc kết luận: “Số chất bột màu trắng thu giữ của Vàng A K có khối lượng là 13,74 gam (mười ba phẩy bảy mươi bốn gam) Heroine, đã trích 0,74 gam gửi đi giám định tại Phòng K1 Công an tỉnh L, (Không hoàn lại mẫu vật gửi giám định), còn lại 13 gam.

Tại Bản kết luận giám định số: 269/KL-KTHS, ngày 06/03/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: 04 (bốn) Mẫu chất bột, màu trắng (ký hiệu từ M1 đến M4) gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tên khoa học là D1, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. (Không hoàn lại mẫu vật gửi giám định).

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS, ngày 22 tháng 05 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Vàng A K về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Bản kết luận điều tra số 10/KLĐT ngày 13/05/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện N và bản Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố của mình đồng thời phân tích, đánh giá toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vàng A K phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vàng A K từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 02/03/2024. Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106

của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy vỏ bì niêm phong và mảnh nilon sau khi mở niêm phong, được niêm phong trong một phong bì thư do Công an huyện N lưu hành; Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) 01 xe mô tô mang nhãn hiệu Honda Waves, màu sơn đỏ - đen - xám, số khung: 431XBY064591; số máy JC43E1607608, dung tích 110 cm³; Biển kiểm soát 36B1-04482 (xe đã qua sử dụng); 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 108244 mang tên Dư Văn N1, địa chỉ Thôn D, N, N, Thanh Hóa. Biển kiểm soát 36B1-04482, đăng ký ngày 01/01/2011.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vàng A K theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điều 38; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vàng A K. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đối đáp: Đối với đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất khung hình phạt, Kiểm sát viên cho rằng với mức án mà Viện kiểm sát đề nghị phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo nên giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ để quyết định mức án phù hợp đối với bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn.

Tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định của Cơ quan điều tra huyện N, Điều tra viên. Cơ quan Viện kiểm sát huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 02/03/2024, tại **K-Quốc lộ D** thuộc địa phận **bản C, xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu**, bị cáo **Vàng A K** đã có hành vi tàng trữ trái phép 04 (một) gói Heroine có khối lượng 13,74 gam (mười ba phẩy bảy mươi bốn gam) Heroine với mục đích để sử dụng thì bị **Công an huyện N**, tỉnh Lai Châu phát hiện, bắt quả tang. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, quan điểm đề nghị về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn nên cần được xử lý nghiêm minh.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Khi bị **Công an huyện N**, tỉnh Lai Châu phát hiện bắt quả tang có xét nghiệm chất ma túy thì bị cáo có sử dụng chất ma túy (dương tính).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Việt Nam.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo **Vàng A K** không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa, người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất khung hình phạt. Xét thấy, mức án mà người bào chữa đề nghị chưa

đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 0,74 gam (*không phải bảy mươi bốn gam*) Heroine thu giữ của bị cáo **Vàng A K** đã gửi toàn bộ đi giám định không hoàn lại nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Đối với 13 gam (*mười ba gam*) Heroine và vỏ bì sau khi mở niêm phong được đựng trong 01 (một) phong bì thư do **Công an huyện N** lưu hành; 01 (một) túi vải hoa văn 02 ngăn khoá, có dây đeo thu giữ của bị cáo **Vàng A K** là vật thuộc Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành, công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với (một) 01 xe mô tô mang nhãn hiệu Honda Waves, màu sơn đỏ - đen - xám, số khung: 431XBY064591; số máy JC43E1607608, dung tích 110 cm³; Biển kiểm soát 36B1-04482 (xe đã qua sử dụng); 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 108244 mang tên **Dur Văn N1**, địa chỉ **Thôn D, N, N, Thanh Hóa**. Biển kiểm soát 36B1-04482, đăng ký ngày 01/01/2011 01. Đây là xe của bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Những vấn đề liên quan:

Theo lời khai của **Vàng A K**, nguồn gốc số Heroine nêu trên do **K** mua được của chị **Lò Thị D**, sinh năm 1990, trú tại **bản P, xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu**. Cơ quan điều tra đã lấy lời khai, tiến hành đối chất với **D**, nhưng **D** không thừa nhận đã bán ma túy cho **K**. Ngoài lời khai của **K** ra không có chứng cứ nào khác, do vậy không có căn cứ để xử lý **D** về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Vàng A K** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Vàng A K** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/03/2024. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 13 gam (*mười ba gam*) Heroine và vỏ bì sau khi mở niêm phong được đựng trong 01 (một) phong bì thư do **Công an huyện N** lưu hành; 01 (một) túi vải hoa văn 02 ngăn khoá, có dây đeo.

Tịch thu hoá giá nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô mang nhãn hiệu Honda Waves, màu sơn đỏ - đen - xám, số khung: 431XBY064591; số máy JC43E1607608, dung tích 110 cm³; Biển kiểm soát 36B1-04482 (xe đã qua sử dụng); 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 108244 mang tên **Dư Văn N1**, địa chỉ Thôn Nga Thạch, **N, Thanh Hóa**. Biển kiểm soát 36B1-04482, đăng ký ngày 01/01/2011.

*(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu).*

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Toà án nhân dân cấp trên./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- Chi Cục THADS huyện Nậm Nhùn;
- Công an huyện Nậm Nhùn;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Văn Dũng

